CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

FireAnt

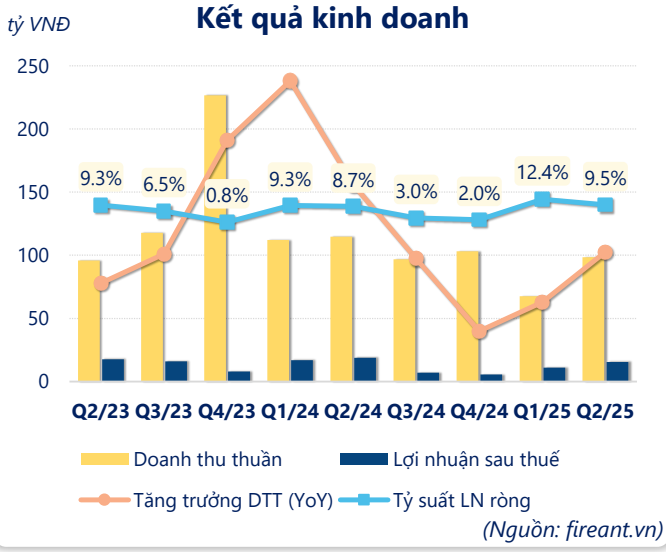
Ngày 30/06/2025	11,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.9%	**-4.9%**	**6.0%**

ROE — Q2/25: **2.7%** | +/- YoY: ▼ 0.9%

	Q2/25	QoQ	YoY
DT thuần	98.4 tỷ VNĐ	▲ 30.8 ▲ 45.6%	▼ 16.6 ▼ 14.4%
LN gộp	46.9 tỷ VNĐ	▲ 16.8 ▲ 55.8%	▼ 4.20 ▼ 8.2%
LN thuần	17.2 tỷ VNĐ	▲ 4.50 ▲ 35.5%	▼ 9.50 ▼ 35.6%
LN sau thuế	15.5 tỷ VNĐ	▲ 4.50 ▲ 40.6%	▼ 3.40 ▼ 18.1%

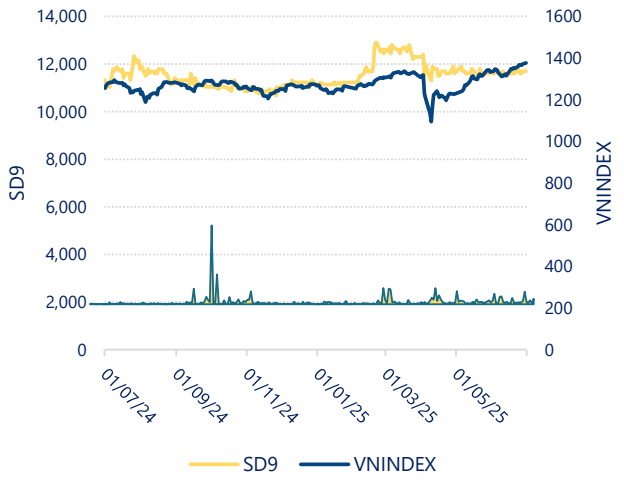
	6T 2025	YoY
DT thuần	166 tỷ VNĐ	▼ 61.0 ▼ 26.8%
LN gộp	77.0 tỷ VNĐ	▼ 17.6 ▼ 18.6%
LN thuần	29.9 tỷ VNĐ	▼ 17.2 ▼ 36.4%
LN sau thuế	26.4 tỷ VNĐ	▼ 9.40 ▼ 26.2%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

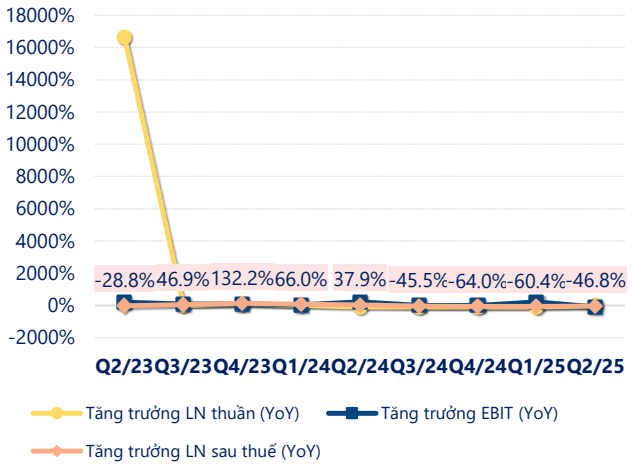
Lịch sử giá



CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

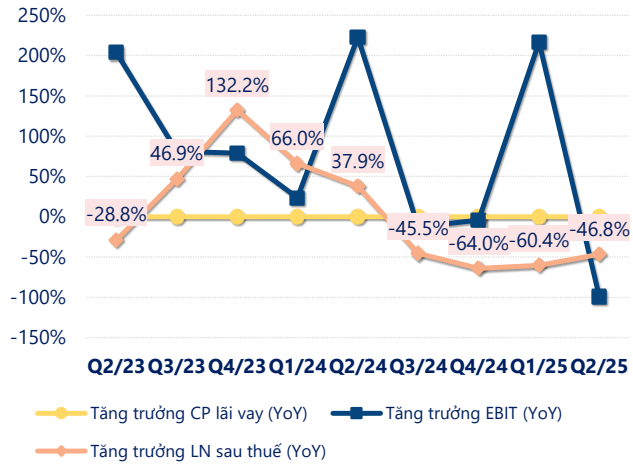
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



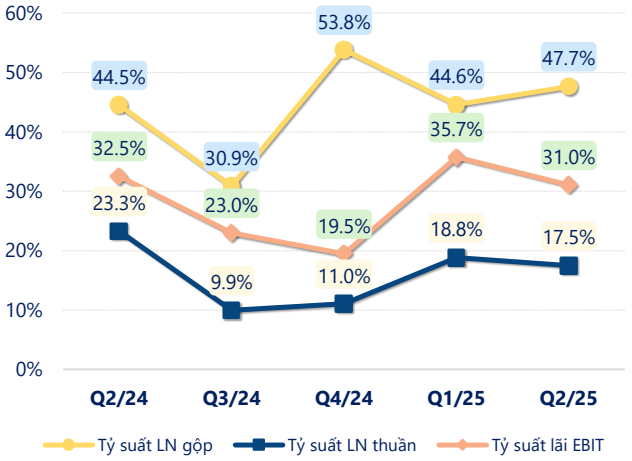
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



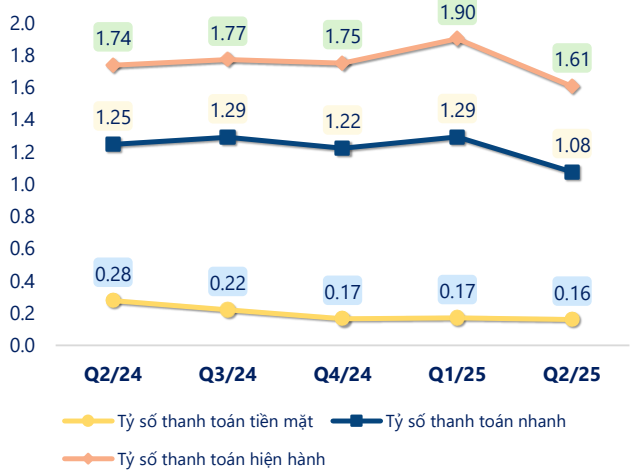
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



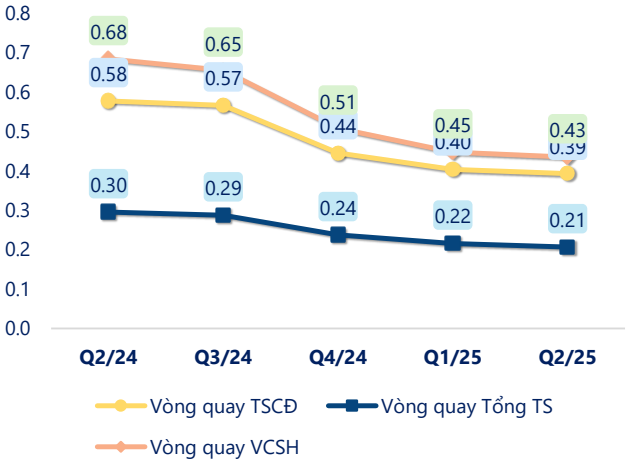
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



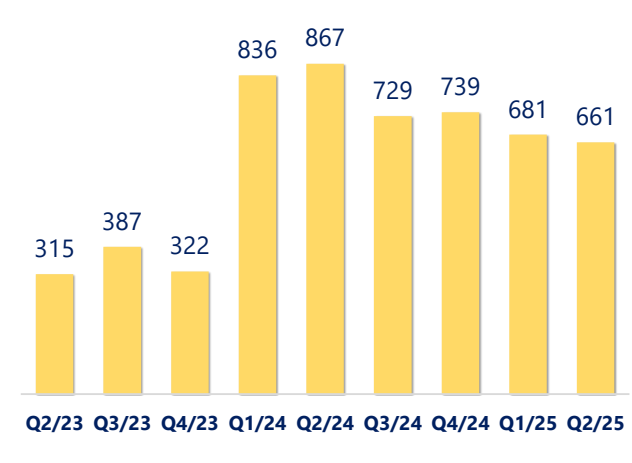
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

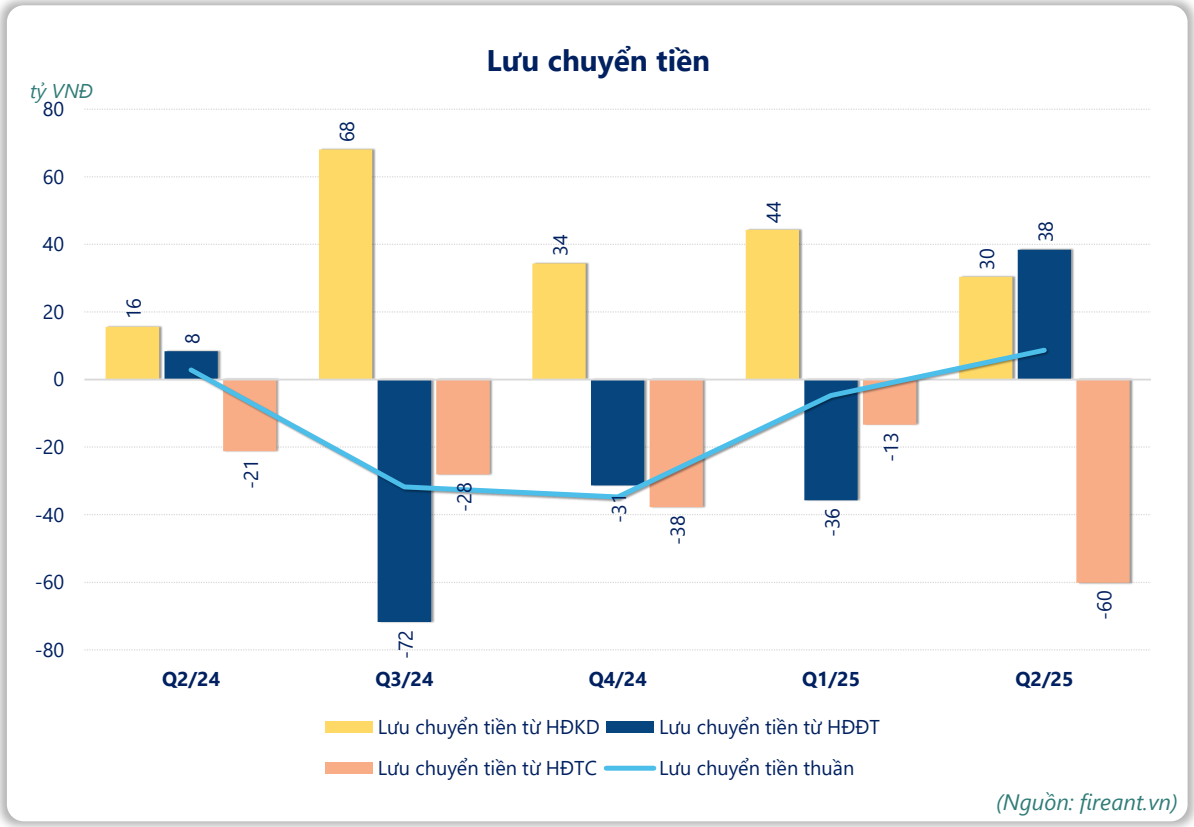


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**98.4**	**115**	**-14.4%**	**166**	**227**	**-26.8%**
Giá vốn hàng bán	51.5	63.7	-19.2%	88.9	132	-32.8%
Lợi nhuận gộp	46.9	51.1	-8.2%	77.0	94.6	-18.6%
Doanh thu HĐTC	1.77	0.74	140%	3.33	1.59	109%
Chi phí TC	11.7	17.1	-31.4%	23.6	32.7	-27.9%
Chi phí lãi vay	11.7	12.2	-3.9%	23.6	27.8	-15.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**19.7**	**8.05**	**145%**	**26.8**	**16.4**	**63.6%**
LN thuần từ HĐKD	17.2	26.7	-35.6%	29.9	47.1	-36.4%
Lợi nhuận khác	**1.62**	**-1.55**	**204%**	**1.19**	**-1.60**	**174%**
LN trước thuế	18.8	25.2	-25.3%	31.1	45.5	-31.6%
Lợi nhuận sau thuế	**15.5**	**18.9**	**-18.1%**	**26.4**	**35.8**	**-26.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.34**	**10.0**	**-6.6%**	**17.7**	**20.4**	**-13.2%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)